

Số: 35/2024/QĐST-DS

Hoàng Mai, ngày 14 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 99, 100, 102, 103- Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 151/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Th, giám đốc xử lý nợ

(Quyết định ủy quyền số 2118/UQ-QLN.23 ngày 13/11/2023)

Người nhận ủy quyền của bà Phạm Thị Th:

Bà Đỗ Thị L, chức vụ giám đốc xử lý nợ

(Giấy ủy quyền số 522/UQ-CNTL.24 ngày 05/3/2024)

2/ Bị đơn: Ông Bùi Đức H, sinh năm 1977

Bà Lê Thanh D, sinh năm 1982

Nơi đăng ký thường trú: số nhà 31 ngách 88/61 Giáp Nhị, tổ 8 phường T, quận Hoàng M, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Bùi Lê Đức T, sinh năm 1999 (con ông H và bà D)

2/ Anh Bùi Lê Đức Ph, sinh năm 2001 (con ông H và bà D)

3/ Cháu Bùi Lê Yến N, sinh ngày 15/02/2016 (con ông H và bà D)

(Cháu N do ông H và bà D đại diện theo pháp luật)

Nơi đăng ký thường trú: số nhà 31 ngách 88/61 Giáp Nhị, tổ 8 phường T, quận Hoàng M, Thành phố H.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Các bên xác nhận ông Bùi Đức H và bà Lê Thanh D còn nợ Ngân hàng TMCP A theo các hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 06/11/2024) và thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng chung, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số DIC.CN.218.250815 ngày 28/9/2015, nợ gốc là: 45.156.241 đồng, nợ lãi trong hạn là: 18.898.185 đồng, nợ quá hạn là 35.124.406 đồng. Tổng cộng là: 99.178.832 đồng.

+Hợp đồng cấp tín dụng số DIC.CN.497.220416 ngày 22/4/2016, nợ gốc là: 203.332.158 đồng, nợ lãi trong hạn là: 24.683.660 đồng, nợ lãi quá hạn là: 110.710.439 đồng. Tổng cộng là 338.726.257 đồng.

Tổng cộng hai hợp đồng tín dụng như trên (tính đến ngày 06/11/2024), ông Bùi Đức H và bà Lê Thanh D còn nợ Ngân hàng TMCP A số nợ gốc: 248.488.399 đồng; nợ lãi trong hạn là 43.581.845 đồng, nợ lãi quá hạn là 145.834.845 đồng; Tổng nợ là 437.905.089 đồng.

2.2/ Các bên thống nhất thỏa thuận ông Bùi Đức H và bà Lê Thanh D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo lộ trình trả nợ như sau:

+ Ngày 06/11/2024 đến ngày 06/10/2025 ông H và bà D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng (số tiền trừ vào nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng).

+ Ngày 06/11/2025 ông H và bà D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn của hai hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cấp tín dụng số DIC.CN.218.250815 ngày 28/9/2015 và Hợp đồng cấp tín dụng số DIC.CN.497.220416 ngày 22/4/2016) là: Nợ gốc là 215.488.399 đồng, nợ lãi trong hạn là 43.581.845 đồng, nợ lãi quá hạn là 145.834.845 đồng. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán số nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/11/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay .

2.3/ Trường hợp ông Bùi Đức H và bà Lê Thanh D vi phạm phương án trả nợ nêu trên (vi phạm về số tiền và/hoặc thời gian nộp tiền) thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ, tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 12(1), tờ bản đồ số 37 tại địa chỉ xóm 2, Giáp Nhị (hiện là số nhà 31 ngách 88/61 Giáp Nhị), phường T, quận Hoàng M, Thành phố H, thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 626849, số vào sổ cấp GCN 02595.3309/ QHM do UBND quận Hoàng M, Thành phố H cấp ngày 04/12/2006 đứng tên chủ sử dụng Bùi Đức H, theo hợp đồng thế chấp số DIC.BĐCN.92.250815 ngày 11/9/2015 tại văn phòng công chứng Bảo Khánh, Thành phố H và cam kết thế chấp ngày 11/9/2015.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Đức H và bà Lê Thanh D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A.

Kể từ ngày 07/11/2024 ông Bùi Đức H và bà Lê Thanh D tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Về án phí: Các bên tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự có giá ngạch.

Ông Bùi Đức H và bà Lê Thanh D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 10.758.101 đồng. Ông H phải chịu 5.379.050 đồng án phí, bà D phải chịu 5.379.050 đồng án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 9.225.000 đồng (*chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng M, Thành phố H theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0033694 ngày 02 tháng 10 năm 2024.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai, TP

Hà Nội;

- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu H